

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG THƯƠNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH



CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH

Tên chương trình (tiếng Việt): **QUẢN TRỊ KINH DOANH**

Tên chương trình (tiếng Anh): **Business Administration**

Trình độ đào tạo: Thạc sĩ

Mã ngành: 8340101

Hình thức đào tạo: Chính quy

Khoa quản lý: Quản trị Kinh doanh

TP. HỒ CHÍ MINH, NĂM 2024

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số: 2554/QĐ-DCT ngày 19 tháng 8 năm 2024
của Hiệu trưởng Trường Đại học Công Thương Thành phố Hồ Chí Minh)

Tên chương trình đào tạo (tiếng Việt): QUẢN TRỊ KINH DOANH

Tên chương trình đào tạo (tiếng Anh): Business Administration

Trình độ đào tạo: Thạc sĩ

Ngành đào tạo: Quản trị kinh doanh

Mã ngành: 8340101

Lĩnh vực: Kinh doanh và quản lý

Hình thức đào tạo: Chính quy

Thông tin về kiểm định chất lượng chương trình đào tạo:

Chương trình đào tạo ngành Quản trị kinh doanh trình độ thạc sĩ của Trường đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành (MOET), từ năm 2022.

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu đào tạo (Đối với chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ định hướng nghiên cứu)

Chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Quản trị kinh doanh theo định hướng nghiên cứu giúp học viên nắm vững lý thuyết quản trị kinh doanh hiện đại, có khả năng nghiên cứu khoa học để tạo ra những hiểu biết mới và có năng lực phát hiện, giải quyết những vấn đề đặt ra trong hoạt động quản trị kinh doanh.

Người học tốt nghiệp có kiến thức, kỹ năng, phẩm chất cá nhân, kỹ năng tương tác và năng lực thực hành nghề nghiệp (năng lực tự chủ):

- Về kiến thức: phân tích được kiến thức liên ngành liên quan về khoa học tự nhiên và xã hội trong lĩnh vực kinh doanh và quản lý, tổng hợp kiến thức có hệ thống, sâu, rộng về các nguyên lý, lý thuyết và thực tế liên quan đến hoạt động quản trị kinh doanh.

- Về kỹ năng, phẩm chất cá nhân: người học được trau dồi khả năng tư duy, phân tích và tổng hợp, các kỹ năng tổng hợp, xác định vấn đề, thiết kế nghiên cứu và phân tích dữ liệu, kỹ năng tìm kiếm, hệ thống hoá, đánh giá các nguồn thông tin khoa học, bằng chứng khoa học phục vụ hoạt động nghiên cứu, phát triển trong lĩnh vực kinh

doanh và quản lý. Đồng thời, xây dựng phẩm chất liêm chính, tôn trọng đạo đức nghiên cứu và sở hữu trí tuệ trong lĩnh vực kinh doanh và quản lý.

- Về kỹ năng tương tác: người học được trau dồi các kỹ năng trình bày, thảo luận, phản biện về các vấn đề khoa học, kết quả nghiên cứu thuộc lĩnh vực kinh doanh và quản lý. Đồng thời được trau dồi kỹ năng giao tiếp hiệu quả bằng ngoại ngữ, sử dụng ngoại ngữ để trình bày, thảo luận về các vấn đề khoa học, kết quả nghiên cứu thuộc lĩnh vực kinh doanh và quản lý.

- Về năng lực thực hành nghề nghiệp (Năng lực tự chủ): người học có khả năng tư duy, sử dụng công nghệ một cách sáng tạo và thực hiện nghiên cứu khoa học để tạo ra những hiểu biết mới hoặc giải quyết vấn đề câu hỏi đặt ra trong hoạt động quản trị kinh doanh. Đồng thời áp dụng thành thạo khả năng quản lý, điều hành chuyên môn nghiên cứu trong hoạt động quản trị kinh doanh.

1.2. Mục tiêu đào tạo (Đối với chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ định hướng ứng dụng)

Chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Quản trị kinh doanh theo định hướng ứng dụng giúp học viên nắm vững lý thuyết quản trị kinh doanh hiện đại, có trình độ cao về thực hành, có khả năng làm việc sáng tạo, độc lập và có năng lực phát hiện, giải quyết những vấn đề đặt ra trong hoạt động quản trị kinh doanh.

Người học tốt nghiệp có kiến thức, kỹ năng, phẩm chất cá nhân, kỹ năng tương tác và năng lực thực hành nghề nghiệp (năng lực tự chủ):

- Về kiến thức: phân tích được kiến thức liên ngành liên quan về khoa học tự nhiên và xã hội trong lĩnh vực kinh doanh và quản lý, tổng hợp kiến thức có hệ thống, sâu, rộng về các nguyên lý, lý thuyết và thực tế liên quan đến hoạt động quản trị kinh doanh.

- Về kỹ năng, phẩm chất cá nhân: người học được trau dồi khả năng tư duy, phân tích và tổng hợp, các kỹ năng tổng hợp, xác định vấn đề, thiết kế nghiên cứu và phân tích dữ liệu, kỹ năng tìm kiếm, hệ thống hoá, đánh giá các nguồn thông tin khoa học, bằng chứng khoa học phục vụ hoạt động nghiên cứu, phát triển trong lĩnh vực kinh doanh và quản lý. Đồng thời, xây dựng phẩm chất liêm chính, tôn trọng tôn trọng sở hữu trí tuệ trong lĩnh vực kinh doanh và quản lý.

- Về kỹ năng tương tác: người học được trau dồi các kỹ năng trình bày, thảo luận, phản biện về các vấn đề khoa học, kết quả nghiên cứu thuộc lĩnh vực kinh doanh và quản lý. Đồng thời được trau dồi kỹ năng giao tiếp hiệu quả bằng ngoại ngữ, sử dụng ngoại ngữ để trình bày, thảo luận về các vấn đề khoa học, kết quả nghiên cứu thuộc lĩnh vực kinh doanh và quản lý.

- Về năng lực thực hành nghề nghiệp (Năng lực tự chủ): người học có khả năng tư duy và thực hiện nghiên cứu ứng dụng, sử dụng công nghệ một cách sáng tạo trong thực tế quản trị kinh doanh để tìm ra giải pháp đáp ứng yêu cầu của doanh nghiệp và thị

trường. Đồng thời áp dụng thành thạo khả năng xây dựng nhóm dự án, tổ chức và quản lý nhóm thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu ứng dụng được giao trong hoạt động quản trị kinh doanh.

2. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

Sau khi hoàn thành khóa học, người học có kiến thức, kỹ năng, năng lực thực hành nghề nghiệp như sau:

2.1. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ định hướng nghiên cứu

Ký hiệu	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo	MĐNL
a	Kiến thức	
PLO1	Phân tích kiến thức liên ngành liên quan về khoa học tự nhiên và xã hội trong lĩnh vực kinh doanh và quản lý	C4
PLO1.1	Phân tích kiến thức chuyên sâu về khoa học tự nhiên trong lĩnh vực kinh doanh và quản lý	C4
PLO1.2	Phân tích kiến thức chuyên sâu về khoa học xã hội trong lĩnh vực kinh doanh và quản lý	C4
PLO2	Tổng hợp kiến thức có hệ thống, sâu, rộng về các nguyên lý, lý thuyết và thực tế liên quan hoạt động quản trị kinh doanh	C5
PLO2.1	Phân tích kiến thức có hệ thống về lý thuyết liên quan hoạt động quản trị kinh doanh	C4
PLO2.2	Tổng hợp kiến thức sâu, rộng về thực tế liên quan hoạt động quản trị kinh doanh	C5
b	Kỹ năng, phẩm chất cá nhân	
PLO3	Áp dụng thành thạo kỹ năng tổng hợp, xác định vấn đề, thiết kế nghiên cứu và phân tích dữ liệu phục vụ hoạt động nghiên cứu, phát triển trong lĩnh vực kinh doanh và quản lý	P4
PLO4	Áp dụng thành thạo kỹ năng tìm kiếm, hệ thống hoá, đánh giá các nguồn thông tin khoa học, bằng chứng khoa học trong lĩnh vực kinh doanh và quản lý	P4
PLO5	Xây dựng phẩm chất liêm chính, tôn trọng đạo đức nghiên cứu và sở hữu trí tuệ trong lĩnh vực kinh doanh và quản lý	A5
c	Kỹ năng tương tác	
PLO6	Áp dụng thành thạo kỹ năng trình bày, thảo luận về các vấn đề khoa học, kết quả nghiên cứu thuộc lĩnh vực kinh doanh và quản lý cho đa dạng các nhóm đối tượng	P4
PLO6.1	Áp dụng thành thạo kỹ năng trình bày, lắng nghe, phản biện về các vấn đề khoa học, kết quả nghiên cứu thuộc lĩnh vực kinh doanh và quản lý	P4

PLO6.2	Áp dụng chính xác kỹ năng giao tiếp hiệu quả bằng ngoại ngữ, sử dụng ngoại ngữ để trình bày, thảo luận về các vấn đề khoa học, kết quả nghiên cứu thuộc lĩnh vực kinh doanh và quản lý	P3
d	Năng lực thực hành nghề nghiệp (Năng lực tự chủ)	
PLO7	Áp dụng khả năng tư duy, sử dụng công nghệ một cách sáng tạo và thực hiện nghiên cứu khoa học để tạo ra những hiểu biết mới hoặc giải quyết vấn đề câu hỏi đặt ra trong hoạt động quản trị kinh doanh	R4
PLO8	Áp dụng thành thạo khả năng quản lý, điều hành chuyên môn nghiên cứu trong hoạt động quản trị kinh doanh	P4

Ghi chú: MĐNL (Mức độ năng lực) trong bảng này được đo theo các thang: **Kiến thức** (Bloom's Taxonomy- Cognitive domain); **Kỹ năng hành vi** (Bloom's Taxonomy - Psychomotor domain); **Kỹ năng cảm xúc- thái độ** (Bloom's Taxonomy - Affective domain) và **Trình độ năng lực** (Crawley-Proficiency Rating scale)

2.2. Bảng ma trận các học phần và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ định hướng nghiên cứu

STT	Mã học phần	Mã tự quản	Tên học phần	Khối kiến thức	Số TC	Loại HP	Chuẩn đầu ra (PLO)							
							1	2	3	4	5	6	7	8
1	0311100409	11100013	Triết học		4	Bắt buộc	C3			P3		P3		
2	0311102362	13100014	Kinh tế học quản trị (*)		3	Bắt buộc	C4			P4			R4	
3	0311102363	13100015	Quản trị chiến lược nâng cao		3	Bắt buộc		C5	P4			P4	R4	
4	0311102365	13100016	Quản trị nguồn nhân lực hiện đại		3	Bắt buộc		C4	P4			P4		P4
5	0311102366	13100017	Quản trị và ra quyết định tài chính		3	Bắt buộc	C4	C4	P4				P4	
6	0311102898	13100020	Quản trị sản xuất và dịch vụ		3	Bắt buộc		C4				P4		P4
7	0311102899	13100021	Quản trị marketing hiện đại		3	Bắt buộc		C5	P4	P4				
8	0311102367	13100018	Khoa học lãnh đạo		3	Tự chọn		C5		P4		P4	R4	
9	0311102368	13100019	Lý thuyết quản trị hiện đại		3	Tự chọn	C4	C4	P4					
10	0311101550	11100010	Luật thương mại quốc tế		2	Tự chọn	C4		P4			P4	R4	
11	0311101551	11100014	Luật kinh doanh Việt Nam		2	Tự chọn	C4		P4			P4	R4	
12	0311102904	13100025	Quản trị đa văn hoá và hành vi		3	Tự chọn	C4	C4	P4	P4				
13	0311102905	13100026	Đạo đức kinh doanh và trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp		3	Tự chọn	C4	C4	P4	P4				
14	0311102908	13100029	Kinh tế số		3	Tự chọn		C4	P4			P4		P4
15	0311102909	13100030	Lãnh đạo trong kỷ nguyên số		3	Tự chọn		C4	P4			P4		P4
16	0311103052	13104033	Thực tập (*)		3	Bắt buộc		C4		P4		P4		P4
17	0311102910	13101031	Chuyên đề nghiên cứu 1 (*)		3	Bắt buộc		C4	P4	P4	A5		R4	
18	0311102911	13101032	Chuyên đề nghiên cứu 2 (*)		3	Bắt buộc		C4	P4		A5	P4	R4	
19	0311102912	13101033	Chuyên đề nghiên cứu 3 (*)		3	Bắt buộc		C4	P4		A5	P4	R4	
20	0311101572	13106020	Luận văn (*)		15	Bắt buộc	C4	C5	P4	P4	A5			
Số lượng học phần đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo							9	16	15	9	4	12	9	5

Ghi chú: (*) là học phần cốt lõi, thuộc nhóm các học phần bắt buộc (hoặc tự chọn theo định hướng) và phải bao gồm các học phần Thực tập, Chuyên đề nghiên cứu, Luận văn.

Ma trận này thể hiện mức đóng góp của học phần vào chuẩn đầu ra của CTĐT (PLO) theo thang đo: Kiến thức (Bloom's Taxonomy- *Cognitive domain*); Kỹ năng hành vi (Bloom's Taxonomy - *Psychomotor domain*); Kỹ năng cảm xúc- thái độ (Bloom's Taxonomy - *Affective domain*) và Trình độ năng lực (Crawley-Proficiency **R**ating scale).

2.3. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ định hướng ứng dụng

Ký hiệu	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo	MĐNL
a	Kiến thức	
PLO1	Phân tích kiến thức liên ngành liên quan về khoa học tự nhiên và xã hội trong lĩnh vực kinh doanh và quản lý	C4
PLO1.1	Phân tích kiến thức chuyên sâu về khoa học tự nhiên trong lĩnh vực kinh doanh và quản lý	C4
PLO1.2	Phân tích kiến thức chuyên sâu về khoa học xã hội trong lĩnh vực kinh doanh và quản lý	C4
PLO2	Tổng hợp kiến thức có hệ thống, sâu, rộng về các nguyên lý, lý thuyết và thực tế liên quan hoạt động quản trị kinh doanh	C5
PLO2.1	Phân tích kiến thức có hệ thống về lý thuyết liên quan hoạt động quản trị kinh doanh	C4
PLO2.2	Tổng hợp kiến thức sâu, rộng về thực tế liên quan hoạt động quản trị kinh doanh	C5
b	Kỹ năng, phẩm chất cá nhân	
PLO3	Áp dụng thành thạo kỹ năng tổng hợp, xác định vấn đề, thiết kế nghiên cứu và phân tích dữ liệu phục vụ hoạt động nghiên cứu, phát triển trong lĩnh vực kinh doanh và quản lý	P4
PLO4	Áp dụng thành thạo kỹ năng tìm kiếm, hệ thống hoá, đánh giá các nguồn thông tin khoa học, bằng chứng khoa học trong lĩnh vực kinh doanh và quản lý	P4
PLO5	Xây dựng phẩm chất liêm chính, tôn trọng sở hữu trí tuệ trong lĩnh vực kinh doanh và quản lý	A5
c	Kỹ năng tương tác	
PLO6	Áp dụng thành thạo kỹ năng trình bày, thảo luận về các vấn đề khoa học, kết quả nghiên cứu thuộc lĩnh vực kinh doanh và quản lý cho đa dạng các nhóm đối tượng	P4
PLO6.1	Áp dụng thành thạo kỹ năng trình bày, lắng nghe, phản biện về các vấn đề khoa học, kết quả nghiên cứu thuộc lĩnh vực kinh doanh và quản lý	P4
PLO6.2	Áp dụng chính xác kỹ năng giao tiếp hiệu quả bằng ngoại ngữ, sử dụng ngoại ngữ để trình bày, thảo luận về các vấn đề khoa học, kết quả nghiên cứu thuộc lĩnh vực kinh doanh và quản lý	P3
d	Năng lực thực hành nghề nghiệp (Năng lực tự chủ)	
PLO7	Áp dụng khả năng tư duy và thực hiện nghiên cứu ứng dụng, sử dụng công nghệ một cách sáng tạo trong thực tế quản trị kinh doanh để tìm ra giải pháp đáp ứng yêu cầu của doanh nghiệp và thị trường	R4

PLO8	Áp dụng thành thạo khả năng xây dựng nhóm dự án, tổ chức và quản lý nhóm thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu ứng dụng được giao trong hoạt động quản trị kinh doanh	P4
------	---	----

Ghi chú: MĐNL (Mức độ năng lực) trong bảng này được đo theo các thang: **Kiến thức** (Bloom's Taxonomy- Cognitive domain); **Kỹ năng hành vi** (Bloom's Taxonomy - Psychomotor domain); **Kỹ năng cảm xúc- thái độ** (Bloom's Taxonomy - Affective domain) và **Trình độ năng lực** (Crawley-Proficiency Rating scale)

2.4. Bảng ma trận các học phần và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ định hướng ứng dụng

STT	Mã học phần	Mã tự quản	Tên học phần	Khối kiến thức	Số TC	Loại HP	Chuẩn đầu ra (PLO)							
							1	2	3	4	5	6	7	8
1	0312100409	11100013	Triết học		4	Bắt buộc	C3			P3		P3		
2	0312102362	13100014	Kinh tế học quản trị (*)		3	Bắt buộc	C4			P4			R4	
3	0312102363	13100015	Quản trị chiến lược nâng cao		3	Bắt buộc		C5	P4			P4	R4	
4	0312102365	13100016	Quản trị nguồn nhân lực hiện đại		3	Bắt buộc		C4	P4			P4		P4
5	0312102366	13100017	Quản trị và ra quyết định tài chính		3	Bắt buộc	C4	C4	P4				P4	
6	0312102898	13100020	Quản trị sản xuất và dịch vụ (*)		3	Bắt buộc		C4				P4		P4
7	0312102899	13100021	Quản trị marketing hiện đại		3	Bắt buộc		C5	P4	P4				
8	0312102900	13100022	Quản trị chất lượng toàn diện (*)		3	Bắt buộc		C4	P4			P4	R4	
9	0312102901	13100023	Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh doanh		3	Bắt buộc	C4	C5	P4		A5			
10	0312102902	13100024	Phân tích định lượng trong kinh doanh (*)		3	Bắt buộc		C5		P4		P4		P4
11	0312102903	13104032	Chuyên đề thực tế		2	Bắt buộc		C5	P4			P4	R4	
12	0312102367	13100018	Khoa học lãnh đạo		3	Tự chọn		C5		P4		P4	R4	
13	0312102368	13100019	Lý thuyết quản trị hiện đại		3	Tự chọn	C4	C4	P4					
14	0312101550	11100010	Luật thương mại quốc tế		2	Tự chọn	C4		P4			P4	R4	
15	0312101551	11100014	Luật kinh doanh Việt Nam		2	Tự chọn	C4		P4			P4	R4	
16	0312102904	13100025	Quản trị đa văn hoá và hành vi		3	Tự chọn	C4	C4	P4	P4				
17	0312102905	13100026	Đạo đức kinh doanh và trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp		3	Tự chọn	C4	C4	P4	P4				
18	0312102906	13100027	Quản trị rủi ro và khủng hoảng		3	Tự chọn		C5		P4			R4	

STT	Mã học phần	Mã tự quản	Tên học phần	Khối kiến thức	Số TC	Loại HP	Chuẩn đầu ra (PLO)							
							1	2	3	4	5	6	7	8
19	0312102907	13100028	Quản trị chuỗi cung ứng toàn cầu		3	Tự chọn	C4	C5				P4	R4	
20	0312102913	13104031	Thực tập (*)		8	Bắt buộc		C5		P4	A5	P4		P4
21	0312102914	13106032	Đề án (*)		8	Bắt buộc		C5		P4	A5	P4	R4	
Số lượng học phần đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo							10	17	12	9	3	13	11	4

Ghi chú: () là học phần cốt lõi, thuộc nhóm các học phần bắt buộc (hoặc tự chọn theo định hướng) và phải bao gồm các học phần Thực tập, Đề án.*

Ma trận này thể hiện mức đóng góp của học phần vào chuẩn đầu ra của CTĐT (PLO) theo thang đo: Kiến thức (Bloom's Taxonomy- Cognitive domain); Kỹ năng hành vi (Bloom's Taxonomy - Psychomotor domain); Kỹ năng cảm xúc- thái độ (Bloom's Taxonomy - Affective domain) và Trình độ năng lực (Crawley-Proficiency Rating scale).

3. Khối lượng học tập

3.1. Khối lượng học tập chương trình đào tạo định hướng nghiên cứu

TT	Thành phần	Khối lượng học tập	Tỷ lệ %
1	Triết học	04 tín chỉ	6,67%
2	Học phần chuyên ngành	29 tín chỉ	48,33%
3	Các chuyên đề nghiên cứu, thực tập	12 tín chỉ	20,00%
4	Luận văn	15 tín chỉ	25,00%
Tổng số tín chỉ tích lũy		60 tín chỉ	

3.2. Khối lượng học tập chương trình đào tạo định hướng ứng dụng

TT	Thành phần	Khối lượng học tập	Tỷ lệ %
1	Triết học	04 tín chỉ	6,67%
2	Học phần chuyên ngành, đồ án học phần, chuyên đề	40 tín chỉ	66,67%
3	Thực tập	08 tín chỉ	13,33%
4	Đề án	08 tín chỉ	13,33%
Tổng số tín chỉ tích lũy		60 tín chỉ	

4. Thời gian đào tạo

Thời gian thiết kế: 1,5 năm.

Thời gian hoàn thành chương trình đào tạo tối đa bao gồm thời gian thiết kế và thời gian được phép kéo dài được quy định trong Quy chế đào tạo sau đại học (Ban hành kèm theo Quyết định số 1279/QĐ-DCT ngày 26/4/2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Công Thương Thành phố Hồ Chí Minh).

5. Văn bằng tốt nghiệp

Cấp bằng Thạc sĩ khi người học hoàn thành chương trình đào tạo, tích lũy đủ số tín chỉ theo quy định và đáp ứng đủ các điều kiện xét và công nhận tốt nghiệp theo Quy chế đào tạo sau đại học của Trường.

6. Chuẩn đầu vào

Người học có bằng tốt nghiệp đại học hoặc tương đương và đáp ứng các tiêu chuẩn xét tuyển hoặc thi tuyển đầu vào của Trường.

Người tốt nghiệp đại học ngành đúng, ngành phù hợp được dự thi/xét tuyển ngay sau khi tốt nghiệp. Người có bằng tốt nghiệp đại học ngành gần với chuyên ngành dự thi/xét tuyển phải học bổ sung kiến thức trước khi dự thi/xét tuyển theo danh mục học phần bổ sung kiến thức.

- Danh mục các môn học bổ sung, được miễn đối với người dự tuyển có bằng đại học ngành gần:

STT	Môn học bổ sung	Môn đã học được miễn bổ sung	Số tín chỉ
1	Quản trị nguồn nhân lực	Quản trị nguồn nhân lực, Quản trị nhân sự	3
2	Quản trị chiến lược	Quản trị chiến lược	3
3	Quản trị bán hàng	Quản trị bán hàng	3
Tổng			9

- Danh mục các môn học bổ sung, được miễn đối với người dự tuyển có bằng đại học ngành khác:

STT	Môn học bổ sung	Môn đã học được miễn bổ sung	Số tín chỉ
1	Kinh tế vi mô	Kinh tế vi mô, Kinh tế học, Kinh tế và Quản lý	3
2	Kinh tế vĩ mô	Kinh tế vĩ mô, Kinh tế học	3
3	Quản trị học	Quản trị học, Nhập môn quản trị, Quản trị doanh nghiệp	3
4	Nguyên lý kế toán	Nguyên lý kế toán, Lý thuyết kế toán	3
5	Quản trị nguồn nhân lực	Quản trị nguồn nhân lực, Quản trị nhân sự	3
6	Quản trị chiến lược	Quản trị chiến lược	3
7	Quản trị bán hàng	Quản trị bán hàng	3
Tổng			21

7. Phương pháp đánh giá kết quả học tập

Theo Quy chế đào tạo sau đại học (Ban hành kèm theo Quyết định số 1279/QĐ-DCT ngày 26/4/2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Công Thương Thành phố Hồ Chí Minh) và Quy định thi, kiểm tra và đánh giá kết quả học tập (Ban hành kèm theo Quyết định số 2402/QĐ-DCT ngày 22/8/2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Công Thương Thành phố Hồ Chí Minh).

8. Quy chế đào tạo và điều kiện tốt nghiệp

Xét và công nhận tốt nghiệp: theo Quy chế đào tạo sau đại học (Ban hành kèm theo Quyết định số 1279/QĐ-DCT ngày 26/4/2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Công Thương Thành phố Hồ Chí Minh).

Chuẩn ngoại ngữ: theo Quy định Chuẩn đầu ra ngoại ngữ (Ban hành kèm theo Quyết định số 1281/QĐ-DCT ngày 26/4/2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Công Thương Thành phố Hồ Chí Minh).

Chuẩn công nghệ thông tin: theo Quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin (Ban hành kèm theo Quyết định số 3297/QĐ-DCT ngày 07/11/2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Công Thương Thành phố Hồ Chí Minh).

9. Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp

- Đảm nhận được trọng trách về quản trị kinh doanh của các doanh nghiệp Việt Nam và doanh nghiệp nước ngoài đang hoạt động trong môi trường kinh doanh ở Việt Nam và Quốc tế.

- Nghiên cứu, hoạch định chính sách và chiến lược kinh doanh ở các viện nghiên cứu, các cơ quan quản lý nhà nước và tham gia lập dự án, thẩm định các dự án kinh doanh của các tổ chức kinh tế.

- Nghiên cứu viên hoặc giảng viên tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, trường đại học và học viện.

10. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

Tiếp tục học lên trình độ tiến sĩ ở trong và ngoài nước về chuyên ngành Quản trị kinh doanh.

11. Nội dung chương trình đào tạo

11.1. Nội dung chương trình đào tạo định hướng nghiên cứu

TT	Mã học phần	Mã tự quản	Tên học phần	Số tín chỉ	Điều kiện (học trước (a); tiên quyết (b); song hành (c))
I. Học phần bắt buộc				22	
1	0311100409	11100013	Triết học	4 (4,0)	
2	0311102362	13100014	Kinh tế học quản trị	3 (3,0)	
3	0311102363	13100015	Quản trị chiến lược nâng cao	3 (3,0)	
4	0311102365	13100016	Quản trị nguồn nhân lực hiện đại	3 (3,0)	
5	0311102366	13100017	Quản trị và ra quyết định tài chính	3 (3,0)	
6	0311102898	13100020	Quản trị sản xuất và dịch vụ	3 (3,0)	
7	0311102899	13100021	Quản trị marketing hiện đại	3 (3,0)	
II. Học phần tự chọn (Chọn tối thiểu 04 học phần)				11	
Nhóm A (Chọn tối thiểu 1 học phần)				3	
1	0311102367	13100018	Khoa học lãnh đạo	3 (3,0)	
2	0311102368	13100019	Lý thuyết quản trị hiện đại	3 (3,0)	
Nhóm B (Chọn tối thiểu 1 học phần)				2	
1	0311101550	11100010	Luật thương mại quốc tế	2 (2,0)	
2	0311101551	11100014	Luật kinh doanh Việt Nam	2 (2,0)	
Nhóm C (Chọn tối thiểu 1 học phần)				3	
1	0311102904	13100025	Quản trị đa văn hoá và hành vi	3 (3,0)	

TT	Mã học phần	Mã tự quản	Tên học phần	Số tín chỉ	Điều kiện (học trước (a); tiên quyết (b); song hành (c))
2	0311102905	13100026	Đạo đức kinh doanh và trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp	3 (3,0)	
Nhóm D (Chọn tối thiểu 1 học phần)				3	
1	0311102908	13100029	Kinh tế số	3 (3,0)	
2	0311102909	13100030	Lãnh đạo trong kỷ nguyên số	3 (3,0)	
III. Chuyên đề nghiên cứu, thực tập				12	
1	0311103052	13104033	Thực tập	3 (0,3)	
2	0311102910	13101031	Chuyên đề nghiên cứu 1	3 (0,3)	
3	0311102911	13101032	Chuyên đề nghiên cứu 2	3 (0,3)	
4	0311102912	13101033	Chuyên đề nghiên cứu 3	3 (0,3)	
IV. Luận văn				15	
1	0311101572	13106020	Luận văn	15 (0,15)	
Tổng số tín chỉ toàn khóa				60	

11.2. Nội dung chương trình đào tạo định hướng ứng dụng

TT	Mã học phần	Mã tự quản	Tên học phần	Số tín chỉ	Điều kiện (học trước (a); tiên quyết (b); song hành (c))
I. Học phần bắt buộc				33	
1	0312100409	11100013	Triết học	4 (4,0)	
2	0312102362	13100014	Kinh tế học quản trị	3 (3,0)	
3	0312102363	13100015	Quản trị chiến lược nâng cao	3 (3,0)	
4	0312102365	13100016	Quản trị nguồn nhân lực hiện đại	3 (3,0)	
5	0312102366	13100017	Quản trị và ra quyết định tài chính	3 (3,0)	
6	0312102898	13100020	Quản trị sản xuất và dịch vụ	3 (3,0)	
7	0312102899	13100021	Quản trị marketing hiện đại	3 (3,0)	
8	0312102900	13100022	Quản trị chất lượng toàn diện	3 (3,0)	
9	0312102901	13100023	Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh doanh	3 (3,0)	
10	0312102902	13100024	Phân tích định lượng trong kinh doanh	3 (3,0)	
11	0312102903	13104032	Chuyên đề thực tế	2 (2,0)	
II. Học phần tự chọn (Chọn tối thiểu 04 học phần)				11	
Nhóm A (Chọn tối thiểu 1 học phần)				3	
1	0312102367	13100018	Khoa học lãnh đạo	3 (3,0)	
2	0312102368	13100019	Lý thuyết quản trị hiện đại	3 (3,0)	
Nhóm B (Chọn tối thiểu 1 học phần)				2	

TT	Mã học phần	Mã tự quản	Tên học phần	Số tín chỉ	Điều kiện (học trước (a); tiên quyết (b); song hành (c))
1	0312101550	11100010	Luật thương mại quốc tế	2 (2,0)	
2	0312101551	11100014	Luật kinh doanh Việt Nam	2 (2,0)	
Nhóm C (Chọn tối thiểu 1 học phần)				3	
1	0312102904	13100025	Quản trị đa văn hoá và hành vi	3 (3,0)	
2	0312102905	13100026	Đạo đức kinh doanh và trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp	3 (3,0)	
Nhóm D (Chọn tối thiểu 1 học phần)				3	
1	0312102906	13100027	Quản trị rủi ro và khủng hoảng	3 (3,0)	
2	0312102907	13100028	Quản trị chuỗi cung ứng toàn cầu	3 (3,0)	
III. Thực tập				8	
1	0312102913	13104031	Thực tập	8 (0,8)	
IV. Đề án				8	
1	0312102914	13106032	Đề án	8 (0,8)	
Tổng số tín chỉ toàn khóa				60	

12. Kế hoạch đào tạo

12.1. Chương trình đào tạo định hướng nghiên cứu

TT	Mã học phần	Mã tự quản	Tên học phần	Số tín chỉ	Ghi chú
Học kỳ 1: 19 tín chỉ tích lũy + 0 tín chỉ không tích lũy					
Học phần bắt buộc				16	
1.	0311100409	11100013	Triết học	4 (4,0)	
2.	0311102362	13100014	Kinh tế học quản trị	3 (3,0)	
3.	0311102363	13100015	Quản trị chiến lược nâng cao	3 (3,0)	
4.	0311102365	13100016	Quản trị nguồn nhân lực hiện đại	3 (3,0)	
5.	0311102366	13100017	Quản trị và ra quyết định tài chính	3 (3,0)	
Học phần tự chọn (Chọn tối thiểu 01 học phần)				3	
1.	0311102367	13100018	Khoa học lãnh đạo	3 (3,0)	
2.	0311102368	13100019	Lý thuyết quản trị hiện đại	3 (3,0)	
Học kỳ 2: 20 tín chỉ tích lũy + 0 tín chỉ không tích lũy					
Học phần bắt buộc				12	
1.	0311102898	13100020	Quản trị sản xuất và dịch vụ	3 (3,0)	
2.	0311102899	13100021	Quản trị marketing hiện đại	3 (3,0)	
3.	0311102910	13101031	Chuyên đề nghiên cứu 1	3 (0,3)	
4.	0311102911	13101032	Chuyên đề nghiên cứu 2	3 (0,3)	
Học phần tự chọn (Chọn tối thiểu 03 học phần)				8	
Nhóm A (Chọn tối thiểu 1 học phần)				2	

TT	Mã học phần	Mã tự quản	Tên học phần	Số tín chỉ	Ghi chú
1.	0311101550	11100010	Luật thương mại quốc tế	2 (2,0)	
2.	0311101551	11100014	Luật kinh doanh Việt Nam	2 (2,0)	
Nhóm B (Chọn tối thiểu 1 học phần)				3	
1.	0311102904	13100025	Quản trị đa văn hoá và hành vi	3 (3,0)	
2.	0311102905	13100026	Đạo đức kinh doanh và trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp	3 (3,0)	
Nhóm C (Chọn tối thiểu 1 học phần)				3	
1.	0311102908	13100029	Kinh tế số	3 (3,0)	
2.	0311102909	13100030	Lãnh đạo trong kỷ nguyên số	3 (3,0)	
Học kỳ 3: 21 tín chỉ tích lũy + 0 tín chỉ không tích lũy					
Học phần bắt buộc				21	
1.	0311102912	13101033	Chuyên đề nghiên cứu 3	3 (0,3)	
2.	0311103052	13104033	Thực tập	3 (0,3)	
3.	0311101572	13106020	Luận văn	15 (0,15)	

12.2. Chương trình đào tạo định hướng ứng dụng

TT	Mã học phần	Mã tự quản	Tên học phần	Số tín chỉ	Ghi chú
Học kỳ 1: 19 tín chỉ tích lũy + 0 tín chỉ không tích lũy					
Học phần bắt buộc				16	
1.	0312100409	11100013	Triết học	4 (4,0)	
2.	0312102362	13100014	Kinh tế học quản trị	3 (3,0)	
3.	0312102363	13100015	Quản trị chiến lược nâng cao	3 (3,0)	
4.	0312102365	13100016	Quản trị nguồn nhân lực hiện đại	3 (3,0)	
5.	0312102366	13100017	Quản trị và ra quyết định tài chính	3 (3,0)	
Học phần tự chọn (Chọn tối thiểu 01 học phần)				3	
①	0312102367	13100018	Khoa học lãnh đạo	3 (3,0)	
2.	0312102368	13100019	Lý thuyết quản trị hiện đại	3 (3,0)	
Học kỳ 2: 22 tín chỉ tích lũy + 0 tín chỉ không tích lũy					
Học phần bắt buộc				17	
1.	0312102898	13100020	Quản trị sản xuất và dịch vụ	3 (3,0)	
2.	0312102899	13100021	Quản trị marketing hiện đại	3 (3,0)	
3.	0312102900	13100022	Quản trị chất lượng toàn diện	3 (3,0)	
4.	0312102901	13100023	Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh doanh	3 (3,0)	
5.	0312102902	13100024	Phân tích định lượng trong kinh doanh	3 (3,0)	
6.	0312102903	13104032	Chuyên đề thực tế	2 (2,0)	
Học phần tự chọn (Chọn tối thiểu 01 học phần nhóm A, 01 học phần nhóm B)				5	
Nhóm A (Chọn tối thiểu 1 học phần)				2	

TT	Mã học phần	Mã tự quản	Tên học phần	Số tín chỉ	Ghi chú
1. /	0312101550	11100010	Luật thương mại quốc tế	2 (2,0)	
2. /	0312101551	11100014	Luật kinh doanh Việt Nam	2 (2,0)	
Nhóm B (Chọn tối thiểu 1 học phần)				3	
1. /	0312102904	13100025	Quản trị đa văn hoá và hành vi	3 (3,0)	
2. /	0312102905	13100026	Đạo đức kinh doanh và trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp	3 (3,0)	
Học kỳ 3: 19 tín chỉ tích lũy + 0 tín chỉ không tích lũy					
Học phần bắt buộc				16	
1. /	0312102913	13104031	Thực tập	8 (0,8)	
2. /	0312102914	13106032	Đề án	8 (0,8)	
Học phần tự chọn (Chọn tối thiểu 01 học phần)				3	
1. /	0312102906	13100027	Quản trị rủi ro và khủng hoảng	3 (3,0)	
2. /	0312102907	13100028	Quản trị chuỗi cung ứng toàn cầu	3 (3,0)	

13. Kiểm soát và đảm bảo chất lượng đào tạo

Các đơn vị có trách nhiệm xây dựng và thực hiện Kế hoạch kiểm soát và đảm bảo chất lượng đào tạo theo Chương trình đào tạo đã được phê duyệt và Quy định về công tác giảng dạy hiện hành.

14. Hướng dẫn thực hiện

14.1. Đối với các Khoa đào tạo, Bộ môn

- Có trách nhiệm tổ chức thực hiện đúng yêu cầu về nội dung của chương trình và tư vấn, hướng dẫn cho người học đăng ký các học phần.

- Phân công giảng viên phụ trách từng học phần và cung cấp đề cương học phần cho giảng viên để triển khai kế hoạch giảng dạy.

- Chuẩn bị đầy đủ giáo trình, tài liệu tham khảo, cơ sở vật chất để đảm bảo thực hiện tốt chương trình.

- Cần chú ý đến tính logic của việc truyền đạt và tiếp thu các mảng kiến thức, quy định các học phần tiên quyết, học trước và chuẩn bị giảng viên để đáp ứng yêu cầu giảng dạy các học phần tự chọn.

- Kiểm tra, giám sát công tác giảng dạy của giảng viên theo Quy định về công tác giảng dạy hiện hành và đảm bảo các hoạt động đổi mới phương pháp giảng dạy và kiểm tra đánh giá.

14.2. Đối với giảng viên

- Giảng viên cần phải nghiên cứu kỹ nội dung đề cương học phần để chuẩn bị bài giảng, phương pháp giảng dạy và các phương tiện dạy học phù hợp.

- Giảng viên phải chuẩn bị đầy đủ giáo trình, tài liệu học tập và cung cấp cho người học để người học chuẩn bị trước khi lên lớp.

- Sử dụng đa dạng các phương pháp giảng dạy và học theo triết lý giáo dục ‘*Học tập chủ động, làm việc sáng tạo, sống có trách nhiệm*’, thực hiện đúng các phương pháp kiểm tra, đánh giá quy định trong đề cương học phần.

- Rút kinh nghiệm đối với hoạt động giảng dạy của bản thân và tích cực tham gia vào hoạt động đổi mới phương pháp dạy học theo Quy định về công tác giảng dạy hiện hành.

14.3. Đối với người học

- Phải tham khảo ý kiến tư vấn của cố vấn học tập/giáo viên chủ nhiệm để lựa chọn học phần cho phù hợp với định hướng và năng lực học tập.

- Phải đảm bảo đầy đủ thời gian lên lớp hoặc tham gia thực hành theo quy định.

- Phát huy tính tự chủ, tinh thần tự học, tự nghiên cứu, đồng thời tích cực tham gia học tập theo nhóm, tham dự đầy đủ các hoạt động thảo luận, seminar, thực hành.

- Tích cực khai thác các tài nguyên trên mạng và trong thư viện của trường để phục vụ cho việc tự học, tự nghiên cứu và làm luận văn/đề án.

- Thực hiện nghiêm túc Quy chế thi, kiểm tra và đánh giá kết quả học tập.

15. Phê duyệt chương trình đào tạo

TP. HCM, ngày tháng 8 năm 2024

TRƯỞNG KHOA



FGS.TS. Huỳnh Quang Linh

TP. HCM, ngày tháng 8 năm 2024

TRƯỞNG NGÀNH SAU ĐẠI HỌC



FGS.TS. Huỳnh Quang Linh

TP. HCM, ngày 19 tháng 8 năm 2024

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG KH&ĐT



Nguyễn Xuân Hoàn

TP. HCM, ngày 19 tháng 8 năm 2024



HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Xuân Hoàn

MỤC LỤC

1. Mục tiêu đào tạo.....	1
2. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo	3
3. Khối lượng học tập	7
4. Thời gian đào tạo	11
5. Văn bằng tốt nghiệp.....	11
6. Chuẩn đầu vào.....	11
7. Phương pháp đánh giá kết quả học tập	11
8. Quy chế đào tạo và điều kiện tốt nghiệp.....	12
9. Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp.....	13
10. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp.....	13
11. Nội dung chương trình đào tạo	13
12. Kế hoạch đào tạo.....	15
13. Kiểm soát và đảm bảo chất lượng đào tạo	16
14. Hướng dẫn thực hiện.....	17
15. Phê duyệt chương trình đào tạo	18